

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG SVM VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG SVM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SVM VIET NAM TECHNOLOGY AND MEDIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SVM MEDIA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108546845

**3. Ngày thành lập:** 13/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 53 khu TT E664 Cục Xăng Dầu, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                     | 6201(Chính) |
| 2.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; | 8559        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                              | 8220        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                 | 8230        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh       | 8299        |
| 6.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                     | 9000        |
| 7.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí (trừ nhà nước cấm)                  | 9329        |
| 8.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                 | 2620        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                       | 4651        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                           | 6209        |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                 | 6311        |
| 12. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí);                                                                                                | 6312        |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                  | 7020        |

|     |                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                      | 7310 |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                       | 7320 |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch                                                                                    | 7490 |
| 17. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                  | 7810 |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                | 4659 |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4741 |
| 20. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4762 |
| 21. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                             | 5820 |
| 22. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                          | 7912 |
| 23. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                            | 7990 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4742 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                               | 5610 |
| 26. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                       | 5621 |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                        | 5630 |
| 28. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                            | 6202 |
| 29. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí                     | 6399 |
| 30. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                      | 9511 |
| 31. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông<br>Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông<br>Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động | 6190 |
| 32. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                 | 7911 |
| 33. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                     | 2610 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán) | 4610 |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 36. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình                                       | 5911 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM HẢI YẾN     | Thôn Hải Sơn, Xã Trân Châu, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam             | 900.000.000           | 90,000    | 031190005028                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN DƯƠNG | Xóm 9, Xã Thụy Lôi, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                            | 100.000.000           | 10,000    | 035096002079                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM HẢI YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031190005028

Ngày cấp: 15/03/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hải Sơn, Xã Trân Châu, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 53 khu TT E664 Cục Xăng Dầu, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội